

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		1599
1	Tiến sĩ		110
1.1	Tiến sĩ chính quy		110
1.1.1	Toán và thống kê		6
1.1.1.1	Toán giải tích	9460102	3
1.1.1.2	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9460106	3
1.1.2	Khoa học xã hội và hành vi		47
1.1.2.1	Quản lý kinh tế	9310110	28
1.1.2.2	Chính trị học	9310201	19
1.1.4	Khoa học tự nhiên		9
1.1.4.1	Quang học	9440110	6
1.1.4.2	Hoá hữu cơ	9440114	3
1.1.5	Nhân văn		9
1.1.5.1	Ngôn ngữ Việt Nam	9220102	1
1.1.5.2	Văn học Việt Nam	9220121	1
1.1.5.3	Lịch sử thế giới	9229011	2
1.1.5.4	Lịch sử Việt Nam	9229013	5
1.1.6	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		39
1.1.6.1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	9140111	11
1.1.6.2	Quản lý giáo dục	9140114	28
2	Thạc sĩ		1489
2.1	Thạc sĩ chính quy		1489
2.1.1	Toán và thống kê		48
2.1.1.1	Toán giải tích	8460102	21
2.1.1.2	Đại số và lí thuyết số	8460104	14
2.1.1.3	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	13
2.1.2	Khoa học xã hội và hành vi		438
2.1.2.1	Kinh tế chính trị	8310102	54
2.1.2.2	Quản lý kinh tế	8310110	239
2.1.2.3	Chính trị học	8310201	129

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
2.1.2.4	Địa lý học	8310501	16
2.1.3	Kiến trúc và xây dựng		11
2.1.3.1	Kỹ thuật xây dựng	8580201	11
2.1.4	Khoa học sự sống		19
2.1.4.1	Thực vật học	8420111	5
2.1.4.2	Sinh học thực nghiệm	8420114	14
2.1.5	Máy tính và công nghệ thông tin		42
2.1.5.1	Công nghệ thông tin	8480201	42
2.1.6	Kinh doanh và quản lý		27
2.1.6.1	Quản trị kinh doanh	8340101	27
2.1.7	Khoa học tự nhiên		40
2.1.7.1	Quang học	8440110	20
2.1.7.2	Hoá vô cơ	8440113	4
2.1.7.3	Hoá hữu cơ	8440114	5
2.1.7.4	Hoá phân tích	8440118	11
2.1.8	Nhân văn		34
2.1.8.1	Ngôn ngữ Việt Nam	8220102	13
2.1.8.2	Lý luận văn học	8220120	2
2.1.8.3	Văn học Việt Nam	8220121	7
2.1.8.4	Lịch sử thế giới	8229011	6
2.1.8.5	Lịch sử Việt Nam	8229013	6
2.1.9	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		15
2.1.9.1	Khoa học cây trồng	8620110	15
2.1.9.2	Nuôi trồng thủy sản	8620301	0
2.1.10	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		726
2.1.10.1	Giáo dục học	8140101	193
2.1.10.2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	339
2.1.10.3	Quản lý giáo dục	8140114	194
2.1.11	Pháp luật		89
2.1.11.1	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	89
B	ĐẠI HỌC		20198
3	Đại học chính quy		12707
3.1	Chính quy		12662

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		1227
3.1.1.1	Khoa học xã hội và hành vi		143
3.1.1.1.1	Việt Nam học	7310630	143
3.1.1.2	Máy tính và công nghệ thông tin		1084
3.1.1.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	1084
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		11435
3.1.2.1	Sản xuất và chế biến		135
3.1.2.1.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	135
3.1.2.2	Môi trường và bảo vệ môi trường		46
3.1.2.2.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	30
3.1.2.2.2	Quản lý đất đai	7850103	16
3.1.2.3	Thú y		4
3.1.2.3.1	Thú y	7640101	4
3.1.2.4	Khoa học xã hội và hành vi		463
3.1.2.4.1	Kinh tế	7310101	410
3.1.2.4.2	Kinh tế số	7310109	0
3.1.2.4.3	Chính trị học	7310201	21
3.1.2.4.4	Quản lý nhà nước	7310205	32
3.1.2.4.5	Tâm lý học giáo dục	7310403	0
3.1.2.4.6	Quốc tế học	7310601	0
3.1.2.5	Kiến trúc và xây dựng		237
3.1.2.5.1	Kiến trúc	7580101	0
3.1.2.5.2	Kỹ thuật xây dựng	7580201	162
3.1.2.5.3	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	0
3.1.2.5.4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	22
3.1.2.5.5	Kinh tế xây dựng	7580301	53
3.1.2.6	Khoa học sự sống		14
3.1.2.6.1	Công nghệ sinh học	7420201	14
3.1.2.7	Công nghệ kỹ thuật		555
3.1.2.7.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	347
3.1.2.7.2	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	6
3.1.2.7.3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	202

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.1.2.8	Kỹ thuật		389
3.1.2.8.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	83
3.1.2.8.2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	306
3.1.2.9	Máy tính và công nghệ thông tin		86
3.1.2.9.1	Khoa học máy tính	7480101	86
3.1.2.10	Sức khỏe		251
3.1.2.10.1	Điều dưỡng	7720301	251
3.1.2.11	Kinh doanh và quản lý		2794
3.1.2.11.1	Quản trị kinh doanh	7340101	868
3.1.2.11.2	Thương mại điện tử	7340122	0
3.1.2.11.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	413
3.1.2.11.4	Kế toán	7340301	1513
3.1.2.12	Khoa học tự nhiên		32
3.1.2.12.1	Khoa học môi trường	7440301	32
3.1.2.13	Nhân văn		856
3.1.2.13.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	822
3.1.2.13.2	Quản lý văn hoá	7229042	34
3.1.2.14	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		142
3.1.2.14.1	Chăn nuôi	7620105	47
3.1.2.14.2	Nông học	7620109	22
3.1.2.14.3	Khoa học cây trồng	7620110	0
3.1.2.14.4	Nuôi trồng thủy sản	7620301	73
3.1.2.15	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		4460
3.1.2.15.1	Quản lý giáo dục	7140114	84
3.1.2.15.2	Giáo dục Mầm non	7140201	628
3.1.2.15.3	Giáo dục Tiểu học	7140202	1552
3.1.2.15.4	Giáo dục Chính trị	7140205	53
3.1.2.15.5	Giáo dục Thể chất	7140206	91
3.1.2.15.6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	51
3.1.2.15.7	Sư phạm Toán học	7140209	462
3.1.2.15.8	Sư phạm Tin học	7140210	87
3.1.2.15.9	Sư phạm Vật lý	7140211	65
3.1.2.15.10	Sư phạm Hoá học	7140212	103

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.1.2.15.11	Sư phạm Sinh học	7140213	37
3.1.2.15.12	Sư phạm Ngữ văn	7140217	331
3.1.2.15.13	Sư phạm Lịch sử	7140218	79
3.1.2.15.14	Sư phạm Địa lý	7140219	112
3.1.2.15.15	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	725
3.1.2.15.16	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	0
3.1.2.15.17	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	0
3.1.2.16	Dịch vụ xã hội		68
3.1.2.16.1	Công tác xã hội	7760101	68
3.1.2.17	Báo chí và thông tin		17
3.1.2.17.1	Báo chí	7320101	17
3.1.2.18	Pháp luật		886
3.1.2.18.1	Luật	7380101	517
3.1.2.18.2	Luật kinh tế	7380107	369

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha):
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: m²/người

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	494	47584
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	5145
3	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	4	621
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	14	1606
5	Số phòng dưới 50 chỗ	0	0
6	Số phòng học đa phương tiện	274	31375
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	191	8717
8	Thư viện, trung tâm học liệu	5	11659
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	136	35571
	TỔNG	635	94814

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Bành Thị Thảo		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
2	Biện Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
3	Biện Văn Điền	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
4	Bùi Đình Thuận		Tiến sĩ	Sư phạm Vật lý		Sư phạm Vật lý
5	Bùi Đức Công		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
6	Bùi Hà Phan		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
7	Bùi Hạnh Phúc		Thạc sĩ	Luật		Thương mại điện tử
8	Bùi Minh Thuận		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
9	Bùi Thị Cần		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
10	Bùi Thị Phương Quỳnh		Tiến sĩ	Kinh tế		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
11	Bùi Thị Thùy Dương		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
12	Bùi Thuận Yến		Thạc sĩ	Thương mại điện tử		Luật kinh tế
13	Bùi Văn Hào	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
14	Bùi Văn Hùng		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Quản lý giáo dục
15	Cao Cự Giác	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
16	Cao Thành Nghĩa		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
17	Cao Thanh Sơn		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
18	Cao Thị Hào		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
19	Cao Thị Ngọc Yến		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
20	Cao Thị Phương		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
21	Cao Thị Thanh Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
22	Cao Thị Thu Dung		Thạc sĩ	Kế toán		Nông học
23	Cao Tiến Trung	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
24	Châu Hồng Thắng		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
25	Chế Thị Hải Linh		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Quản lý giáo dục
26	Chu Thị Hà Thanh		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Tiểu học
27	Chu Thị Thủy An	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
28	Chu Thị Trinh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
29	Chu Văn Lanh	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
30	Đặng Đình Thành		Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
31	Đặng Hoàng Oanh		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
32	Đặng Hồng Lĩnh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
33	Đặng Huy Khánh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
34	Đặng Như Thường		Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
35	Đặng Thái Sơn		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
36	Đặng Thành Cương		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
37	Đặng Thị Lê Na		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Tâm lý học giáo dục
38	Đặng Thị Nguyên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
39	Đặng Thị Phương Linh		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
40	Đặng Thị Thu		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam		Sư phạm Tiếng Anh
41	Đặng Thúy Anh		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
42	Đào Quang Thắng		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
43	Đào Thị Loan		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
44	Đào Thị Minh Châu	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
45	Đào Thị Thanh Hà		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
46	Đào Thị Thanh Xuân		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
47	Đậu Bắc Sơn		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
48	Đậu Đức Anh		Tiến sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
49	Đậu Hồng Quân		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Sư phạm Toán học
50	Đậu Khắc Tài		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
51	Đậu Thị Bình Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
52	Đậu Xuân Đức	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
53	Đinh Ngọc Thắng		Tiến sĩ	Kinh tế		Kinh tế
54	Đinh Phan Khôi		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
55	Đinh Thanh Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
56	Đinh Thị Hải		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị		Giáo dục Chính trị
57	Đinh Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học		Sư phạm Hoá học
58	Đinh Thị Kim Hảo		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
59	Đinh Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
60	Đinh Thị Trường Giang	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
61	Đinh Trung Thành	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
62	Đinh Văn Dũng		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
63	Đinh Văn Liêm		Tiến sĩ	Kinh tế		Luật kinh tế
64	Đinh Văn Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
65	Đinh Xuân Khoa	GS	Tiến sĩ	Quang học		Quang học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
66	Đỗ Mai Trang		Tiến sĩ	Sư phạm Vật lý		Sư phạm Vật lý
67	Đỗ Thanh Thùy		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
68	Đỗ Thị Phi Hoài	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
69	Đoàn Minh Trang		Thạc sĩ	Kinh tế		Quản lý văn hoá
70	Đoàn Quang Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
71	Đoàn Thế Ngô Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
72	Đoàn Thị Ngọc Hân		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
73	Doãn Thị Thùy Hương		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
74	Dương Đình Tú		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
75	Dương Đức Ánh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Quốc tế học
76	Dương Thị Linh		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Tâm lý học giáo dục
77	Dương Thị Mai Hoa		Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử		Sư phạm Lịch sử
78	Dương Thị Nga		Thạc sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
79	Đường Thị Quỳnh Liên		Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
80	Dương Thị Thanh Hải		Tiến sĩ	Quản lý văn hoá		Quản lý văn hoá
81	Dương Thị Thanh Thanh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Tâm lý học giáo dục
82	Dương Trọng Bình		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
83	Dương Xuân Giáp		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
84	Hà Thị Thúy		Tiến sĩ	Kế toán		Luật
85	Hắc Xuân Cảnh		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
86	Hồ Anh Tuấn		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
87	Hồ Đình Quang		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
88	Hồ Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
89	Hồ Sỹ Phương		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật nhiệt		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
90	Hồ Thị Diệu Ánh	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
91	Hồ Thị Hải		Tiến sĩ	Luật		Luật
92	Hồ Thị Huyền Thương		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Kỹ thuật phần mềm
93	Hồ Thị Nga		Tiến sĩ	Kinh tế		Luật
94	Hồ Thị Nhung		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
95	Hồ Thị Phương		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
96	Hồ Thị Vân Anh		Tiến sĩ	Luật		Sư phạm Ngữ văn
97	Hồ Trọng Hữu		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
98	Hồ Viết Chương		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Quản trị kinh doanh
99	Hoàng Anh Thế		Tiến sĩ	Chăn nuôi		Chăn nuôi
100	Hoàng Hữu Tính		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
101	Hoàng Hữu Việt	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
102	Hoàng Phan Hải Yến	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
103	Hoàng Tăng Đức		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
104	Hoàng Thị Cẩm Thương		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
105	Hoàng Thị Chung		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
106	Hoàng Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
107	Hoàng Thị Hiền Lê		Tiến sĩ	Văn học		Giáo dục Tiểu học
108	Hoàng Thị Mai		Tiến sĩ	Chăn nuôi		Chăn nuôi
109	Hoàng Thị Nga		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Kinh tế số
110	Hoàng Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
111	Hoàng Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
112	Hoàng Thị Thúy Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
113	Hoàng Thị Việt		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
114	Hoàng Văn Thụy		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
115	Hoàng Văn Trung		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
116	Hoàng Vĩnh Phú		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Sư phạm Tiếng Anh
117	Hoàng Võ Tùng Lâm		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
118	Lê Cảnh Trung		Tiến sĩ	Sư phạm Vật lý		Sư phạm Vật lý
119	Lê Danh Bình		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
120	Lê Diệu Linh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
121	Lê Đình Công		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
122	Lê Đức Giang	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Hoá học		Sư phạm Hoá học
123	Lê Duy Hiếu		Thạc sĩ	Chính trị học		Chính trị học
124	Lê Hồng Hạnh		Tiến sĩ	Luật		Luật
125	Lê Minh Hải		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
126	Lê Minh Tân		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Quốc tế học
127	Lê Quang Vượng		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Sinh học
128	Lê Quốc Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Tin học		Sư phạm Tin học
129	Lê Thái Bình		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
130	Lê Thanh Hải		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
131	Lê Thanh Nga		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
132	Lê Thế Cường		Tiến sĩ	Sư phạm Lịch sử		Sư phạm Lịch sử

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
133	Lê Thế Tâm		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
134	Lê Thị Hải Lý		Thạc sĩ	Kế toán		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
135	Lê Thị Hồ Quang		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
136	Lê Thị Hương	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
137	Lê Thị Kiều Nga		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Kinh tế số
138	Lê Thị Mỹ Châu		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
139	Lê Thị Nam An		Tiến sĩ	Luật		Luật
140	Lê Thị Như Quỳnh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
141	Lê Thị Sao Chi		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
142	Lê Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
143	Lê Thị Thanh Hiếu		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
144	Lê Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Báo chí		Báo chí
145	Lê Thị Thúy Hà		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
146	Lê Thị Thúy Hà		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
147	Lê Thị Tuyết Hạnh		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
148	Lê Thục Anh		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
149	Lê Văn Chương		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
150	Lê Văn Điệp		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
151	Lê Văn Đoài	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
152	Lê Văn Minh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Sư phạm Tin học
153	Lê Văn Tấn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
154	Lê Văn Thành		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
155	Lê Văn Thành	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
156	Lê Văn Vinh		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Sư phạm khoa học tự nhiên
157	Lê Vũ Sao Mai		Tiến sĩ	Kế toán		Kinh tế
158	Lê Xuân Sơn		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
159	Lương Ngọc Minh		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
160	Lương Thị Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Kế toán		Kinh tế số
161	Lương Thị Thành Vinh		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
162	Lưu Ngọc Bảo		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quốc tế học
163	Lưu Thị Trường Giang		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
164	Lưu Tiến Hưng	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
165	Lưu Văn Mạnh		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
166	Lưu Văn Phúc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
167	Mai Phương Ngọc		Tiến sĩ	Sư phạm Lịch sử		Sư phạm Lịch sử
168	Mai Thế Anh		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
169	Mai Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
170	Mai Thị Thanh Nga		Tiến sĩ	Sư phạm Lịch sử		Sư phạm Lịch sử
171	Mai Văn Chung	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
172	Ngô Hồng Nhung		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
173	Ngô Thị Khánh Linh		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
174	Ngô Thị Mai Vi		Tiến sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
175	Ngô Thị Như Thơ		Tiến sĩ	Kế toán		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
176	Ngô Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
177	Ngô Thị Thu Hoài		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
178	Ngũ Thị Như Hoa		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
179	Nguyễn Anh Chương	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
180	Nguyễn Anh Dũng		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
181	Nguyễn Anh Tú		Thạc sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
182	Nguyễn Bá Hoàn		Tiến sĩ	Sinh học		Công nghệ thông tin
183	Nguyễn Bá Uy		Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
184	Nguyễn Bảo Hưng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thú y
185	Nguyễn Bùi Hậu		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Khoa học máy tính
186	Nguyễn Cẩm Ngôn		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng		Kinh tế xây dựng
187	Nguyễn Công Nhật		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
188	Nguyễn Công Thành		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kinh tế số
189	Nguyễn Đăng Đức		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh tế số
190	Nguyễn Đình Lưu		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Địa lý
191	Nguyễn Đình Phi		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
192	Nguyễn Đình Thắng		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
193	Nguyễn Đình Tiến		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
194	Nguyễn Đình Vinh		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
195	Nguyễn Đức Diện		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
196	Nguyễn Đức Xuân		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
197	Nguyễn Duy Bình		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Tiếng Anh
198	Nguyễn Duy Bình		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quốc tế học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
199	Nguyễn Duy Duẩn		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
200	Nguyễn Duy Khánh		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kiến trúc
201	Nguyễn Hoa Du	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
202	Nguyễn Hoàng Dũng		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
203	Nguyễn Hoàng Hào		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
204	Nguyễn Hồng Quảng	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
205	Nguyễn Hồng Thăng		Đại học	Sư phạm tiếng Anh		Giáo dục Mầm non
206	Nguyễn Hồng Vinh		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
207	Nguyễn Hữu Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
208	Nguyễn Hữu Hiền		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Khoa học cây trồng
209	Nguyễn Hữu Quang		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
210	Nguyễn Huy Bằng	GS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		
211	Nguyễn Huy Chiêu	PGS	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		
212	Nguyễn Lâm Đức		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Sư phạm khoa học tự nhiên
213	Nguyễn Lê Ái Vĩnh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Sư phạm khoa học tự nhiên
214	Nguyễn Lê Hoài Thu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
215	Nguyễn Mai Hường		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
216	Nguyễn Mai Ly		Thạc sĩ	Luật		Luật
217	Nguyễn Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Giáo dục Tiểu học
218	Nguyễn Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
219	Nguyễn Minh Quyết		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
220	Nguyễn Minh Thư		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng		Giáo dục Tiểu học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
221	Nguyễn Nam Thành		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Địa lý
222	Nguyễn Ngọc Bích		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Sư phạm Toán học
223	Nguyễn Ngọc Hiền		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
224	Nguyễn Như An	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
225	Nguyễn Nữ Hải Sao		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
226	Nguyễn Phi Cường Anh		Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
227	Nguyễn Phong Quang		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
228	Nguyễn Phúc Ngọc		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
229	Nguyễn Quang Hồng	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
230	Nguyễn Quang Ninh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ kỹ thuật ô tô
231	Nguyễn Quốc Chiến		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
232	Nguyễn Quốc Đăng		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
233	Nguyễn Quốc Thợ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
234	Nguyễn Tài Toàn		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
235	Nguyễn Tân Thành		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
236	Nguyễn Thái Sơn	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Chính trị		Giáo dục Chính trị
237	Nguyễn Thành Công		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật nhiệt		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
238	Nguyễn Thanh Diệu	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
239	Nguyễn Thanh Hải		Thạc sĩ	Báo chí		Báo chí
240	Nguyễn Thanh Huyền		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
241	Nguyễn Thanh Mỹ		Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
242	Nguyễn Thành Quang	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
243	Nguyễn Thành Vinh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
244	Nguyễn Thế Lâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
245	Nguyễn Thế Tiến		Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
246	Nguyễn Thị Anh Giang		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
247	Nguyễn Thị Bích Hiền	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Hoá học		Sư phạm Hoá học
248	Nguyễn Thị Bích Liên		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
249	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Tiến sĩ	Sư phạm Hoá học		Công nghệ thực phẩm
250	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Tiến sĩ	Luật		Luật
251	Nguyễn Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
252	Nguyễn Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Kế toán		Tài chính - Ngân hàng
253	Nguyễn Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
254	Nguyễn Thị Châu Giang	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
255	Nguyễn Thị Chung		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học		Công nghệ thực phẩm
256	Nguyễn Thị Diễm Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Hoá học
257	Nguyễn Thị Diệp		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
258	Nguyễn Thị Diệu Thúy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
259	Nguyễn Thị Diệu Thùy		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
260	Nguyễn Thị Dương Ngọc		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
261	Nguyễn Thị Duyên		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
262	Nguyễn Thị Duyên		Tiến sĩ	Báo chí		Báo chí
263	Nguyễn Thị Giang An	PGS	Tiến sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
264	Nguyễn Thị Hà		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
265	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
266	Nguyễn Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế
267	Nguyễn Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
268	Nguyễn Thị Hạnh Duyên		Tiến sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
269	Nguyễn Thị Hiền Lương		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
270	Nguyễn Thị Hoa Lê		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
271	Nguyễn Thị Hoài An		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Công tác xã hội
272	Nguyễn Thị Hoài Thu		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
273	Nguyễn Thị Hồng Loan	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
274	Nguyễn Thị Hồng Nhật		Thạc sĩ	Luật		Luật
275	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	Luật		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
276	Nguyễn Thị Hồng Thắm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
277	Nguyễn Thị Hồng Thắm		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
278	Nguyễn Thị Hương	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
279	Nguyễn Thị Hường	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
280	Nguyễn Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Nông học		Khoa học cây trồng
281	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
282	Nguyễn Thị Huyền Trang		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Kế toán
283	Nguyễn Thị Khánh Chi		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
284	Nguyễn Thị Kiều Vinh		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kiến trúc
285	Nguyễn Thị Kim Anh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
286	Nguyễn Thị Kim Chi		Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử		Sư phạm Lịch sử
287	Nguyễn Thị Kim Thi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
288	Nguyễn Thị Kim Thu		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
289	Nguyễn Thị Kỳ		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
290	Nguyễn Thị Lài		Thạc sĩ	Kinh tế		Kinh tế
291	Nguyễn Thị Lam Giang		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
292	Nguyễn Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
293	Nguyễn Thị Lành		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
294	Nguyễn Thị Lê Vinh		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
295	Nguyễn Thị Liên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
296	Nguyễn Thị Loan		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
297	Nguyễn Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
298	Nguyễn Thị Mai Lan		Thạc sĩ	Công tác xã hội		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
299	Nguyễn Thị Mai Lê		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
300	Nguyễn Thị Mai Trang		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
301	Nguyễn Thị Minh		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
302	Nguyễn Thị Minh Ngọc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Ngôn ngữ Anh
303	Nguyễn Thị Minh Phượng	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
304	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Sư phạm Tin học
305	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
306	Nguyễn Thị Mỹ Hương		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
307	Nguyễn Thị Nga		Tiến sĩ	Lý luận văn học		Giáo dục Tiểu học
308	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm khoa học tự nhiên
309	Nguyễn Thị Ngọc Hà		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
310	Nguyễn Thị Ngọc Thành		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
311	Nguyễn Thị Nhị	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
312	Nguyễn Thị Phương Nhung		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
313	Nguyễn Thị Phương Nhung		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
314	Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Luật		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
315	Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
316	Nguyễn Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
317	Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Tiếng Anh
318	Nguyễn Thị Quỳnh		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
319	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
320	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
321	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
322	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Đại học	Y khoa		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
323	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
324	Nguyễn Thị Sương		Đại học	Điều dưỡng		Điều dưỡng
325	Nguyễn Thị Thanh		Tiến sĩ	Luật		Luật
326	Nguyễn Thị Thanh		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
327	Nguyễn Thị Thanh Giang		Thạc sĩ	Khác		Điều dưỡng
328	Nguyễn Thị Thanh Hiếu		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
329	Nguyễn Thị Thanh Hòa		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
330	Nguyễn Thị Thanh Hoài		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
331	Nguyễn Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Kế toán		Sư phạm khoa học tự nhiên
332	Nguyễn Thị Thanh Thanh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
333	Nguyễn Thị Thanh Trâm		Tiến sĩ	Luật		Luật
334	Nguyễn Thị Thanh Trâm		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
335	Nguyễn Thị Thanh Tùng		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
336	Nguyễn Thị Thảo		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
337	Nguyễn Thị Thê		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
338	Nguyễn Thị Thu Cúc	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
339	Nguyễn Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
340	Nguyễn Thị Thu Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
341	Nguyễn Thị Thu Hạnh		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
342	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng		Kinh tế xây dựng
343	Nguyễn Thị Thúy		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
344	Nguyễn Thị Thùy Dung		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật
345	Nguyễn Thị Thúy Hà		Thạc sĩ	Kế toán		Sư phạm khoa học tự nhiên
346	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh		Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
347	Nguyễn Thị Thúy Vinh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế
348	Nguyễn Thị Tiếng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
349	Nguyễn Thị Tô Hằng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
350	Nguyễn Thị Trang Thanh	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
351	Nguyễn Thị Tường		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
352	Nguyễn Thị Tuyết Hồng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quốc tế học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
353	Nguyễn Thị Uyên		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
354	Nguyễn Thị Việt		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
355	Nguyễn Thị Việt Hà		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
356	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Luật kinh tế
357	Nguyễn Thị Yên		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thương mại điện tử
358	Nguyễn Thức Tuấn		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
359	Nguyễn Thúy Hòa		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
360	Nguyễn Tiến Dũng	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
361	Nguyễn Tiến Dũng		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
362	Nguyễn Tiến Hồng		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
363	Nguyễn Trần Thuận		Tiến sĩ	Toán ứng dụng		Công nghệ thông tin
364	Nguyễn Trí Lục		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
365	Nguyễn Trọng Hà		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
366	Nguyễn Trọng Khánh		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật nhiệt		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
367	Nguyễn Trọng Kiên		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kiến trúc
368	Nguyễn Trung Kiên		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
369	Nguyễn Tuấn Anh		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Quản lý nhà nước
370	Nguyễn Văn Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
371	Nguyễn Văn Đại		Tiến sĩ	Việt Nam học		Luật
372	Nguyễn Văn Đông		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Giáo dục Mầm non
373	Nguyễn Văn Đức	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
374	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
375	Nguyễn Văn Hiền		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
376	Nguyễn Văn Hóa		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kiến trúc
377	Nguyễn Văn Hoàn		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
378	Nguyễn Văn Phú	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
379	Nguyễn Văn Quang		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
380	Nguyễn Văn Quảng	GS	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Sư phạm Toán học
381	Nguyễn Văn Quốc		Thạc sĩ	Sư phạm Tin học		Giáo dục Tiểu học
382	Nguyễn Văn Quỳnh		Thạc sĩ	Kế toán		Kinh tế
383	Nguyễn Văn Sang		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
384	Nguyễn Văn Thuận		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
385	Nguyễn Văn Trung		Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
386	Nguyễn Văn Tuấn		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
387	Nguyễn Văn Tuấn		Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
388	Nguyễn Việt Phương		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Thương mại điện tử
389	Nguyễn Vũ Minh Thúy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
390	Nguyễn Xuân Dũng	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
391	Nguyễn Xuân Hiệu		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
392	Ông Thị Mai Thương		Tiến sĩ	Công tác xã hội		Công tác xã hội
393	Ông Vĩnh An		Tiến sĩ	Sư phạm Sinh học		Sư phạm Sinh học
394	Phạm Anh Vũ		Thạc sĩ	Kế toán		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
395	Phạm Hoàng Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
396	Phạm Hồng Sơn		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Kiến trúc

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
397	Phạm Lê Cường		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Tiểu học
398	Phạm Mạnh Toàn		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
399	Phạm Minh Hùng	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục học		Giáo dục học
400	Phạm Mỹ Dung		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
401	Phạm Ngọc Minh		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Sư phạm khoa học tự nhiên
402	Phạm Thị Bình		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
403	Phạm Thị Hà		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
404	Phạm Thị Hải Châu		Tiến sĩ	Sư phạm Toán học		Tâm lý học giáo dục
405	Phạm Thị Hiền Lương		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
406	Phạm Thị Hương	PGS	Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
407	Phạm Thị Huyền Sang	PGS	Tiến sĩ	Luật		Luật
408	Phạm Thị Kim Yến		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
409	Phạm Thị Lương Giang		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
410	Phạm Thị Như Quỳnh		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học		Sư phạm Sinh học
411	Phạm Thị Oanh		Thạc sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
412	Phạm Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
413	Phạm Thị Thúy Hằng		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
414	Phạm Thị Thúy Hồng		Tiến sĩ	Sư phạm Tin học		Sư phạm Tin học
415	Phạm Thị Thúy Liễu		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
416	Phạm Trà My		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ kỹ thuật ô tô
417	Phạm Vũ Chung		Tiến sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Địa lý
418	Phạm Xuân Chung		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
419	Phạm Xuân Sơn		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
420	Phan Anh Phong		Tiến sĩ	Kỹ thuật phần mềm		Kỹ thuật phần mềm
421	Phan Anh Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Quản lý giáo dục
422	Phan Công Ngọc		Thạc sĩ	Điều dưỡng		Điều dưỡng
423	Phan Đình Quốc		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng		Kinh tế xây dựng
424	Phan Duy Long		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
425	Phan Duy Tùng		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
426	Phan Huy Chính		Thạc sĩ	Luật		Chính trị học
427	Phan Huy Hà		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Mầm non
428	Phan Huy Thiện		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Quản lý văn hoá
429	Phan Lê Na		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kinh tế
430	Phan Nữ Hiền Oanh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
431	Phan Quốc Cường		Đại học	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
432	Phan Sinh		Thạc sĩ	Kế toán		Giáo dục Thể chất
433	Phan Thị Cẩm Vân		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản lý nhà nước
434	Phan Thị Hồng Tuyết	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
435	Phan Thị Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
436	Phan Thị Minh Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
437	Phan Thị Nhật Linh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
438	Phan Thị Nhuận		Thạc sĩ	Kế toán		Giáo dục Chính trị
439	Phan Thị Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Khoa học máy tính
440	Phan Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Tâm lý học giáo dục
441	Phan Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Nông học		Nông học

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
442	Phan Thị Thùy		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
443	Phan Thị Thúy Hà		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
444	Phan Thị Thúy Hằng		Tiến sĩ	Giáo dục học		Giáo dục Mầm non
445	Phan Văn Dur		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
446	Phan Văn Long		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
447	Phan Văn Nguyên		Đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật ô tô
448	Phan Văn Phúc		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
449	Phan Văn Tiến		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
450	Phan Văn Tuấn		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
451	Phan Xuân Phồn		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
452	Phan Xuân Thiệu		Tiến sĩ	Su phạm Sinh học		Kế toán
453	Phan Xuân Thục		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Kiến trúc
454	Phùng Nguyễn Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
455	Phùng Văn Nam		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
456	Tạ Hùng Cường		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
457	Tạ Thị Bình		Tiến sĩ	Chăn nuôi		Thú y
458	Tăng Thị Thanh Sang		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
459	Thái Anh Tuấn		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
460	Thái Mạnh Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
461	Thái Thị Đào		Thạc sĩ	Kinh tế		Giáo dục Tiểu học
462	Thái Thị Hồng Lam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
463	Thái Thị Kim Oanh	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
464	Thái Thị Ngọc Lam		Tiến sĩ	Nông học		Khoa học cây trồng
465	Thiều Đình Phong		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
466	Tôn Nữ Hải Yến		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
467	Tôn Thị Bích Hoài		Tiến sĩ	Sinh học		Điều dưỡng
468	Trần Anh Nghĩa		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Sư phạm khoa học tự nhiên
469	Trần Anh Tuấn		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
470	Trần Bá Tiến	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
471	Trần Cao Nguyên		Tiến sĩ	Giáo dục Chính trị		Sư phạm Tiếng Anh
472	Trần Diệu Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
473	Trần Đình Du		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
474	Trần Đình Dũng		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
475	Trần Đức Thành		Thạc sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
476	Trần Giang Nam		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
477	Trần Hằng Ly		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
478	Trần Hậu Thìn		Tiến sĩ	Kế toán		Khoa học cây trồng
479	Trần Huyền Trang		Tiến sĩ	Sinh học		Kế toán
480	Trần Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
481	Trần Mỹ Linh		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Tâm lý học giáo dục
482	Trần Ngọc Long	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
483	Trần Ngọc Toàn		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Ngôn ngữ Anh
484	Trần Phương Chi		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
485	Trần Quang Bách		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
486	Trần Thanh Tú		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Tiếng Anh
487	Trần Thị Gái		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Sư phạm khoa học tự nhiên
488	Trần Thị Hạnh		Thạc sĩ	Kế toán		Quản lý nhà nước
489	Trần Thị Hoàng Mai	PGS	Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
490	Trần Thị Hoàng Yến		Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Mầm non
491	Trần Thị Hồng Lam		Thạc sĩ	Kế toán		Kinh tế số
492	Trần Thị Khánh Dung		Thạc sĩ	Kế toán		Tài chính - Ngân hàng
493	Trần Thị Khánh Tùng		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
494	Trần Thị Kim Anh		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
495	Trần Thị Kim Ngân		Tiến sĩ	Động vật học		Thú y
496	Trần Thị Kim Oanh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kinh tế
497	Trần Thị Lê Na		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
498	Trần Thị Lưu Tâm		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
499	Trần Thị Ly Na		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn		Sư phạm Ngữ văn
500	Trần Thị Ngọc Lan		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ thông tin
501	Trần Thị Ngọc Yến	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
502	Trần Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
503	Trần Thị Thanh Tâm		Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng		Thương mại điện tử
504	Trần Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế
505	Trần Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
506	Trần Thị Thủy		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
507	Trần Thị Thúy Nga		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Mầm non
508	Trần Thị Tuyền	PGS	Tiến sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Địa lý

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
509	Trần Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
510	Trần Thị Vân Trà		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
511	Trần Thị Xinh		Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Giáo dục Mầm non
512	Trần Văn Cảnh		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học máy tính
513	Trần Văn Hào		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
514	Trần Văn Long		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		Giáo dục Tiểu học
515	Trần Văn Thông		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
516	Trần Việt Linh		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
517	Trần Việt Quang	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
518	Trần Vũ Tài	PGS	Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
519	Trần Xuân Hào		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
520	Trần Xuân Minh		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
521	Trần Xuân Sang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
522	Trần Xuân Vinh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
523	Trịnh Đình Tuấn Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
524	Trịnh Khắc Thùy Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
525	Trịnh Ngọc Hoàng		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
526	Trịnh Thị Hằng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
527	Trương Thị Bình Giang		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
528	Trương Thị Dung		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
529	Trương Thị Hoài		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
530	Trương Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
531	Trương Thị Thành Vinh		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
532	Văn Đình Cường		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
533	Văn Thị Hà		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
534	Võ Công Dũng		Thạc sĩ	Chăn nuôi		Chăn nuôi
535	Võ Đức Quang		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
536	Võ Thị Anh Mai		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Công tác xã hội
537	Võ Thị Cẩm Ly		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
538	Võ Thị Hoài Thương		Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học		Giáo dục Tiểu học
539	Võ Thị Hồng Minh		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
540	Võ Thị Hồng Vân		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
541	Võ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Lịch sử - Địa lí
542	Võ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
543	Võ Thị Vinh		Tiến sĩ	Sư phạm Địa lý		Sư phạm Địa lý
544	Võ Trọng Cường		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
545	Võ Trọng Vinh		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Giáo dục Mầm non
546	Võ Văn Đăng		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất		Giáo dục Thể chất
547	Vũ Chí Cường		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
548	Vũ Thị Hồng Thanh		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
549	Vũ Thị Phương Lê		Tiến sĩ	Chính trị học		Chính trị học
550	Vũ Thị Việt Hương		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Sư phạm Tiếng Anh
551	Vũ Văn Lương		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
552	Vũ Xuân Hùng		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Trần Tất Thắng	Bệnh Viện Mắt Nghệ An		Tiến sĩ	Mắt (Nhãn khoa)		Điều dưỡng